

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất quý

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý	7 - 8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý	10 - 34

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27/05/2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Vinh Quang - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 2020.02/UQ-HĐQT ngày 01 tháng 5 năm 2019.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất quý của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất quý cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất quý; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất quý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31 tháng 3 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất quý.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ

tại ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.535.666.299.953	2.292.234.426.657
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	43.063.035.973	48.577.339.437
111	1. Tiền		39.063.035.973	44.577.339.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	4.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	3.288.202.348.417	2.072.271.846.251
121	1. Đầu tư ngắn hạn		3.288.616.048.417	2.074.064.142.947
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(413.700.000)	(1.792.296.696)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		203.586.767.494	170.976.484.180
131	1. Phải thu khách hàng		4.923.148.962	-
132	2. Trả trước cho người bán		33.927.500	31.927.500
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	11.514.946.094	11.109.074.162
135	4. Các khoản phải thu khác	6.2	187.114.744.938	159.835.482.518
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		814.148.069	408.756.789
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	762.056.181	356.664.901
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	52.091.888	52.091.888
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.822.951.617.821	2.936.444.906.912
220	I. Tài sản cố định	8	37.185.830	42.548.912
221	1. Tài sản cố định hữu hình		37.185.830	42.548.912
222	- Nguyên giá		64.357.000	64.357.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.171.170)	(21.808.088)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.818.762.042.623	2.934.817.616.876
258	1. Đầu tư dài hạn khác	9	2.818.762.042.623	2.934.817.616.876
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.152.389.368	1.584.741.124
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	204.017.830	247.678.145
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	3.264.020.828	1.242.018.052
268	3. Tài sản dài hạn khác	11	684.350.710	95.044.927
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.358.617.917.774	5.228.679.333.569

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		6.013.937.260.954	4.896.600.162.907
310	I. Nợ ngắn hạn		5.845.437.260.955	4.711.100.162.907
311	1. Vay ngắn hạn	12	317.237.500.000	206.300.000.000
312	2. Phải trả người bán	13	266.835.935.456	32.179.115.956
313	3. Người mua trả tiền trước		-	858.280.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.110.647.479	5.479.588.998
315	5. Phải trả người lao động		-	234.635.591
316	6. Chi phí phải trả		452.393.236	386.208.166
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	5.241.679.344.674	4.459.991.167.003
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.671.167.193	5.671.167.193
328	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.450.272.917	-
330	II. Nợ dài hạn		168.500.000.000	185.500.000.000
334	1. Vay và nợ dài hạn	12	168.500.000.000	185.500.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		344.680.656.819	332.079.170.662
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.1	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối	16.2	193.603.708.505	181.781.691.011
423	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	17	22.565.165.692	21.785.697.029
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.358.617.917.774	5.228.679.333.569

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		33.810.000.000	33.810.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		33.810.000.000	33.810.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		16.626.860.665	161.155.734.592
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	27	16.626.860.665	161.155.734.592
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	28	2.335.515.509.350	2.543.977.522.919
041	Nhà đầu tư ủy thác		2.335.515.509.350	2.543.977.522.919
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	29	150.921.946.232	65.883.288.362
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	30	12.931.564.275	18.048.283.672

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2023

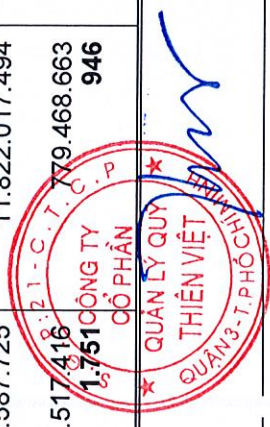
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 VND
01	1. Doanh thu		6.192.443.037	5.938.158.506	5.938.158.506
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	6.192.443.037	5.938.158.506	5.938.158.506
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	19	(2.256.087.085)	(2.290.911.810)	(2.290.911.810)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.936.355.952	3.647.246.696	3.647.246.696
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	106.337.869.957	79.579.695.215	79.579.695.215
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	21	(93.147.718.271)	(52.300.548.825)	(52.300.548.825)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(1.460.683.426)	(1.136.286.661)	(1.136.286.661)
30	8. Lãi(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		15.665.824.212	29.790.106.425	29.790.106.425
31	9. Thu nhập khác		17.803.174	-	-
32	10. Chi phí khác	23	-	(125.000.000)	(125.000.000)
40	11. Lợi nhuận khác		17.803.174	(125.000.000)	(125.000.000)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.683.627.386	29.665.106.425	29.665.106.425
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(5.104.144.005)	(5.937.001.284)	(5.937.001.284)
41	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.3	2.022.002.776	-	2.022.002.776
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.601.486.157	23.728.105.141	23.728.105.141
	- LN sau thuế TNDN của Công ty mẹ		11.822.017.494	21.885.587.725	21.885.587.725
	- LN sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát		779.468.663	1.842.517.416	1.842.517.416
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	946	946	1.751

Samuon

ml



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ
cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		15.683.627.386	29.665.106.425
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định	8	5.363.082	1.710.944
03	2. Các khoản dự phòng		(1.378.596.696)	-
05	3. Lãi từ hoạt động đầu tư		(100.663.929.551)	(79.079.580.346)
06	4. Chi trả lãi vay		7.768.920.103	9.604.904.081
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		(78.584.615.676)	(39.807.858.896)
09	1. Tăng các khoản phải thu		(33.197.589.097)	(47.584.507.766)
11	2. Tăng các khoản phải trả		1.020.284.058.379	1.073.818.484.125
12	3. Giảm chi phí trả trước		(361.730.965)	(19.973.928.520)
13	4. Tiền lãi vay đã trả		(5.806.507.780)	(8.541.253.695)
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.953.016.659)	(21.168.649.285)
16	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(2.673.432.576)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		898.380.598.202	934.068.853.387
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.066.164.404.800)	(1.069.073.837.232)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		988.169.820.076	56.604.836.775
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.775.000.000)	(20.700.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.072.850.000	-
27	5. Lãi tiền gửi thu được		80.864.333.058	32.653.611.222
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(997.832.401.666)	(1.003.188.821.811)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

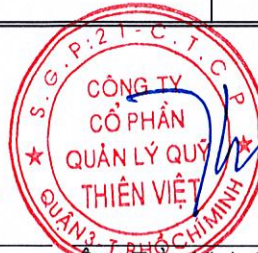
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		281.337.500.000	592.100.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(187.400.000.000)	(517.260.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		93.937.500.000	74.840.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.514.303.464)	8.393.464.152
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	48.577.339.437	25.366.907.371
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	43.063.035.973	33.760.371.523

Phạm Uyên Vy

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Nguyễn Thị Anh Tú

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Trần Vinh Quang
Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT QUỸ tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2022 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2023 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 31 tháng 3 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.1	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	16.2	120.308.382.392	181.781.691.011	21.885.587.725	-	11.822.017.494	-	142.193.970.117	193.603.708.505
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17	18.785.196.794	21.785.697.029	1.842.517.416	-	779.468.663	-	20.627.714.210	22.565.165.692
TỔNG CỘNG		267.605.361.808	332.079.170.662	23.728.105.141	-	12.601.486.157	-	291.333.366.949	344.680.656.819

Handwritten signature

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Handwritten signature
Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Công ty có công ty con là Công ty cổ phần Finsight với tỷ lệ sở hữu là 91,37% (tương đương giá trị 164.800.000.000 đồng vốn góp).

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 là 17 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 18 người).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC Ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC Ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất quý được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất quý, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc Ngày 31 tháng 12.

Nhóm Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất các quý và bán niên theo quy định của Thông tư 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất quý bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ báo cáo ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất quý.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất quý được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc Ngày 31 tháng 3 năm 2023, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114").

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114. Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC; sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC; sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Chứng khoán và đầu tư vào công ty khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 24").

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
------------------	-------

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất quý và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Lợi ích của nhân viên

3.9.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Nhóm Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, tỷ lệ này 17%). Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.9.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021. Nhóm Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến Ngày 31 tháng 3 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.9.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, tỷ lệ này là 0%) và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.11 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất quý.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán quý mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất quý, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất quý, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tiền mặt	66.075.642	65.345.094
Tiền gửi không kì hạn	38.996.960.331	44.511.994.343
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng	4.000.000.000	4.000.000.000
	43.063.035.973	48.577.339.437

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Chứng chỉ quỹ niêm yết	13.125.000.000	13.125.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	13.125.000.000	13.125.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	169.691.799.399	169.691.799.399
Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam	119.358.831.399	119.358.831.399
Công ty cổ phần Giải trí và giáo dục Galaxy	29.632.968.000	29.632.968.000
Công ty cổ phần Galaxy Education	20.700.000.000	20.700.000.000
Trái phiếu	951.381.617.952	704.403.153.023
Chứng chỉ tiền gửi	501.731.466.808	544.437.868.060
Hợp đồng tiền gửi	1.352.436.164.258	430.576.322.465
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	300.250.000.000	211.830.000.000
	3.288.616.048.417	2.074.064.142.947
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(413.700.000)	(1.792.296.696)
	3.288.202.348.417	2.072.271.846.251

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND (trình bày lại)
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	11.514.946.094	10.490.607.849
Phải thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	-	618.467.313
	11.514.946.094	11.109.074.162

6.2 Các khoản phải thu khác

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	151.659.580.767	136.115.599.659
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	35.232.544.127	23.719.882.859
Phải thu khác	222.620.044	-
	187.114.744.938	159.835.482.518

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Chi phí dịch vụ pháp lý	687.947.870	262.440.000
Phí bảo hiểm	45.395.436	-
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	13.798.336	28.197.085
Phí sửa chữa văn phòng	11.764.639	47.058.541
Khác	3.149.900	18.969.275
	762.056.181	356.664.901

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

	Máy móc thiết bị VND
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	64.357.000
Mua trong kỳ	-
Số cuối kỳ	64.357.000
Khấu hao lũy kế	
Số đầu kỳ	21.808.088
Khấu hao trong kỳ	5.363.082
Số cuối kỳ	27.171.170
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	42.548.912
Số cuối kỳ	37.185.830

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.611.887.042.623	2.809.744.766.876
Đầu tư trái phiếu TCTD	2.559.995.295.623	2.652.589.769.932
Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp	51.891.747.000	157.154.996.944
Đầu tư dài hạn khác	206.875.000.000	125.072.850.000
	2.818.762.042.623	2.934.817.616.876

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Công cụ, dụng cụ	59.952.288	104.757.790
Chứng thư số công cộng	58.324.552	61.689.430
Đồng phục nhân viên	33.000.000	42.900.000
Cước dịch vụ internet	21.214.285	28.285.714
Chi phí sửa chữa văn phòng	13.092.838	-
Khác	18.433.867	10.045.211
	204.017.830	247.678.145

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Đặt cọc phí lưu ký	606.452.510	17.146.727
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	61.898.200	61.898.200
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Khác	1.000.000	1.000.000
	684.350.710	95.044.927

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	199.600.000.000	184.600.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	99.600.000.000	99.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	100.000.000.000	85.000.000.000
Vay cá nhân	117.637.500.000	21.700.000.000
	317.237.500.000	206.300.000.000
Vay dài hạn		
Vay cá nhân	168.500.000.000	185.500.000.000

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải trả mua cổ phần, trái phiếu	235.024.748.800	-
Phí quản lý phải trả	31.811.186.656	32.170.115.956
Phải trả người bán	-	9.000.000
	266.835.935.456	32.179.115.956

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.523.336.566	5.104.144.005	(3.953.016.659)	4.674.463.911
Thuế thu nhập cá nhân	1.956.252.432	4.108.527.136	(4.628.596.000)	1.436.183.568
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	5.479.588.998	9.218.671.141	(8.587.612.659)	6.110.647.479
	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải thu				
Thuế GTGT đầu vào	52.091.888	448.690.935	(448.690.935)	52.091.888

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả khách hàng	5.223.242.564.064	4.443.516.798.717
Lãi dự chi	18.436.780.610	16.474.368.286
	5.241.679.344.674	4.459.991.167.003

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

16.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99.84	124.800.000.000	99.84
Trần Vĩnh Quang	100.000.000	0.08	100.000.000	0.08
Lê Quang Tiến	100.000.000	0.08	100.000.000	0.08
	125.000.000.000	100.00	125.000.000.000	100.00

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND.

16.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	181.781.691.011	21.785.697.029	332.079.170.662
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	11.822.017.494	779.468.663	12.601.486.157
Ngày 31 tháng 3 năm 2023	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	193.603.708.505	22.565.165.692	344.680.656.819

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Số đầu năm	21.785.697.029	18.785.196.794
Góp vốn trong năm	-	280.000.000
Điều chỉnh thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	(1.524.556.025)
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	779.468.663	4.245.056.260
Số cuối kỳ	22.565.165.692	21.785.697.029

18. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND	Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	5.146.572.973	4.696.452.891
Phí quản lý quỹ	964.307.053	956.046.475
Phí quản lý đầu tư chứng khoán	81.563.011	285.659.140
Tổng cộng	6.192.443.037	5.938.158.506

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND	Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 VND
Chi phí nhân viên	1.873.065.910	1.544.870.436
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.460.560	38.018.405
Chi phí thuê văn phòng	144.534.198	132.746.455
Chi phí khấu hao	2.796.666	-
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.313.754	318.438.713
Chi phí bằng tiền khác	160.915.997	253.837.801
Tổng cộng	2.256.087.085	2.290.911.810

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND	Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 VND
Lãi trái phiếu đầu tư	70.873.771.629	44.221.510.504
Lãi tiền gửi, CCTG, hợp đồng tiền gửi	23.574.744.953	1.942.921.679
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	6.282.158.440	22.215.263.032
Lãi cho vay cá nhân	5.607.194.935	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	11.200.000.000
Tổng cộng	106.337.869.957	79.579.695.215

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 VND</i>
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư	86.459.202.630	42.615.677.419
Lãi vay cá nhân	4.342.344.761	6.258.334.217
Lãi tiền vay TCTD	3.426.575.342	3.346.569.864
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	271.217.726	-
Các chi phí tài chính khác	26.974.508	79.967.325
Hoàn nhập dự phòng giảm giá CK kinh doanh	(1.378.596.696)	-
	93.147.718.271	52.300.548.825

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	785.129.941	712.086.646
Chi phí vật liệu quản lý	4.699.890	2.178.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	29.109.172	55.888.458
Chi phí khấu hao	2.566.416	1.710.944
Thuế, phí và lệ phí	8.203.610	5.567.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	396.760.142	245.001.443
Chi phí khác	178.134.124	113.854.170
	1.460.683.426	1.136.286.661

23. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 VND</i>
Chi phí khác	-	125.000.000

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất quý có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

24.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND	Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	15.683.627.386	29.665.106.425
Thuế TNDN tạm tính 20%	3.136.725.477	5.933.021.284
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)		
- Điều chỉnh tăng doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	1.537.738.433	-
- Điều chỉnh chi phí không được trừ	-	3.980.000
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu những năm trước	429.680.095	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	5.104.144.005	5.937.001.284

24.3 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi tài sản thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý của Nhóm Công ty như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý		Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2023 VND	Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND	Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	3.264.020.828	1.242.018.052	2.022.002.776	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý			2.022.002.776	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 VND</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty (<i>đồng</i>)	11.822.017.494	21.885.587.725
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (<i>đồng/cổ phiếu</i>)	946	1.751

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2022 VND</u>
Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	1.570.236.954	1.044.361.710
		Tăng tiền gửi ủy thác	383.861.381.993	611.460.846.614
		Giảm tiền gửi ủy thác Phí lưu ký, môi giới	(515.775.611.461) (45.924.610)	(514.059.611.968) (1.309.500)
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	375.553.294
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Thu phí quản lý Quỹ	476.039.979	580.493.181
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Bên liên quan	Thu phí quản lý Quỹ	488.267.074	-
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	333.300.000	333.300.000

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Vốn góp tại Finsight	15.000.000.000	15.000.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	13.125.000.000	13.125.000.000
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vốn góp tại Finsight	280.000.000	280.000.000
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vốn góp tại Finsight	280.000.000	280.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

27. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ	161.155.734.592	55.176.003.611
Tăng trong kỳ	1.182.549.098.385	6.758.969.244.743
Giảm trong kỳ	<u>(1.327.077.972.312)</u>	<u>(6.652.989.513.762)</u>
Số cuối kỳ	<u>16.626.860.665</u>	<u>161.155.734.592</u>

28. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	517.354.427.392	575.433.883.097
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
ACB	71.176.500.000	36.455.223.153
BVH	-	6.115.857.283
CTD	-	14.767.080.000
DPR	20.617.030.000	19.345.362.154
DXG	-	3.658.781.857
DXS	44.849.305.292	38.433.989.721
FPT	-	6.523.309.172
HPG	-	85.879.110.784
MBB	-	16.924.199.283
PLX	-	1.382.480.565
PVP	42.933.546.433	39.515.541.433
TCB	14.399.857.971	19.975.893.334
VPB	-	31.050.572.121
Các loại mã chứng khoán khác	66.511.830.000	138.036.142.731
Cổ phiếu chưa niêm yết	64.045.667.587	46.191.507.579
Chứng chỉ quỹ niêm yết	184.418.761.925	303.554.448.352
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	166.594.484.260	239.130.093.102
Chứng chỉ tiền gửi	7.885.773.313	49.885.773.313
Trái phiếu niêm yết	122.388.806.120	120.620.529.216
Trái phiếu chưa niêm yết	829.303.874.492	1.009.192.110.176
Hợp đồng tiền gửi	443.523.714.261	199.969.178.084
	<u>2.335.515.509.350</u>	<u>2.543.977.522.919</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phải thu lãi tiền gửi	131.858.368.412	56.735.690.190
Phải thu bán chứng khoán	681.676.124	7.703.630.680
Phải thu cổ tức	340.013.000	1.378.899.000
Phải thu khác, tài sản khác	18.041.888.696	65.068.492
	<u>150.921.946.232</u>	<u>65.883.288.362</u>

30. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phải trả phí quản lý danh mục	11.533.204.873	11.042.817.821
Phải trả tiền mua chứng khoán	296.729.000	6.813.950.000
Phải trả phí khác	1.101.630.402	191.515.851
	<u>12.931.564.275</u>	<u>18.048.283.672</u>

31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Dưới 1 năm	1.634.921.300	1.715.921.300
Từ 1 năm đến 5 năm	1.241.176.860	1.457.762.460
	<u>2.876.098.160</u>	<u>3.173.683.760</u>

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

32.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

32.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

32.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 3 năm 2023						
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.063.035.973	4.000.000.000	-	-	-	43.063.035.973
Đầu tư ngắn hạn	997.727.682.923	-	2.290.888.365.494	-	-	3.288.616.048.417
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	11.514.946.094	-	-	-	11.514.946.094
Phải thu khác	-	-	187.114.744.938	-	-	187.114.744.938
Đầu tư dài hạn	-	-	-	260.766.747.000	2.557.995.295.623	2.818.762.042.623
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	684.350.710	-	684.350.710
	1.036.790.718.896	15.514.946.094	2.478.003.110.432	261.451.097.710	2.557.995.295.623	6.349.755.168.755
Nợ phải trả tài chính						
Vay ngắn hạn	-	-	317.237.500.000	-	-	317.237.500.000
Phải trả người bán	-	266.835.935.456	-	-	-	266.835.935.456
Chi phí phải trả	-	452.393.236	-	-	-	452.393.236
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	5.241.679.344.674	-	-	5.241.679.344.674
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	168.500.000.000	-	168.500.000.000
	-	267.288.328.692	5.558.916.844.674	168.500.000.000	-	5.994.705.173.366

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.577.339.437	4.000.000.000	-	-	-	48.577.339.437
Đầu tư ngắn hạn	734.015.866.998	244.441.531.540	1.095.606.744.409	-	-	2.074.064.142.947
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	11.109.074.162	-	-	-	11.109.074.162
Phải thu khác	-	90.634.637.148	69.197.165.918	-	3.679.452	159.835.482.518
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	283.479.882.399	2.651.337.734.477	2.934.817.616.876
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	61.898.200	33.146.727	95.044.927
	778.593.206.435	350.185.242.850	1.164.803.910.327	283.541.780.599	2.651.374.560.656	5.228.498.700.867
Nợ phải trả tài chính						
Vay ngắn hạn	-	206.300.000.000	-	-	-	206.300.000.000
Phải trả người bán	9.000.000	32.170.115.956	-	-	-	32.179.115.956
Người mua trả tiền trước	-	858.280.000	-	-	-	858.280.000
Vay dài hạn	-	-	-	185.500.000.000	-	185.500.000.000
Chi phí phải trả	-	386.208.166	-	-	-	386.208.166
Nợ phải trả tài chính khác	-	4.443.516.798.717	-	-	-	4.443.516.798.717
	9.000.000	4.683.231.402.839	-	185.500.000.000	-	4.868.740.402.839

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.063.035.973	48.577.339.437	43.063.035.973	48.577.339.437
Đầu tư ngắn hạn	3.288.616.048.417	2.074.064.142.947	3.296.077.348.417	2.080.146.846.251
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	11.514.946.094	11.109.074.162	11.514.946.094	11.109.074.162
Phải thu khác	187.114.744.938	159.835.482.518	187.114.744.938	159.835.482.518
Đầu tư dài hạn	2.818.762.042.623	2.934.817.616.876	2.818.762.042.623	2.934.817.616.876
Tài sản tài chính dài hạn khác	684.350.710	95.044.927	684.350.710	95.044.927
	6.349.755.168.755	5.228.498.700.867	6.357.216.468.755	5.234.581.404.171
Nợ phải trả tài chính				
Vay ngắn hạn	317.237.500.000	206.300.000.000	317.237.500.000	206.300.000.000
Phải trả người bán	266.835.935.456	32.179.115.956	266.835.935.456	32.179.115.956
Người mua trả tiền trước	-	858.280.000	-	858.280.000
Chi phí phải trả	452.393.236	386.208.166	452.393.236	386.208.166
Nợ phải trả tài chính khác	5.241.679.344.674	4.459.991.167.003	5.241.679.344.674	4.459.991.167.003
Vay và nợ dài hạn	168.500.000.000	185.500.000.000	168.500.000.000	185.500.000.000
	5.994.705.173.366	4.885.214.771.125	5.994.705.173.366	4.885.214.771.125

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN.

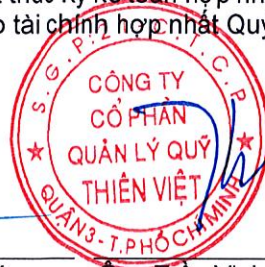
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất Quý yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2023